TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 12, 20 – 24/03/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Phục hồi trong giông bão, rủi ro vẫn còn đó"

Chứng khoán toàn cầu có nhịp phục hồi trong tuần qua. Trong tuần, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã nâng lãi suất 0.25% như nhiều chuyên gia kỳ vọng. Chủ tịch FED – Jerome Powell cho biết rằng tiến trình đưa lạm phát về ngưỡng 2% mục tiêu là một chặng đường dài có thể còn nhiều chông gai và việc giảm lãi suất trong năm 2023 không nằm trong kịch bản hiện tại của FED. Tại châu Âu, việc UBS mua lại Credit Suisse với giá 3.2 tỷ đô vẫn chưa thể chấm dứt những vấn đề trong hệ thống ngân hàng. Đáng chú ý, cổ phiếu của Deutsche Bank đã giảm sâu hơn 14% chỉ trong phiên ngày 14/3 khi các nhà đầu tư lo ngại ngân hàng này sẽ nối bước Credit Suisse. Chủ tịch ECB Christine Lagarde đã cố gắng xoa dịu tình hình khi cho biết rằng ngành ngân hàng của Eurozone rất vững chắc với những công cụ mạnh mẽ của ECB sẵn sàng cung cấp thanh khoản cho hệ thống tài chính nếu cần. Kết tuần, chỉ số S&P 500 tăng 1.37%, chứng khoán châu Âu khởi sắc khi Stoxx Europe 600 tăng 0.7% bất chấp diễn biến kém khả quan của nhóm ngân hàng. Tại châu Á, hầu hết các thị trường đều ghi nhận sắc xanh, cụ thể, chỉ số Nikkei 225 nhích nhẹ 0.2%. Trong khi đó, chỉ số Hang Seng bật tăng 2% khi ngân hàng trung ương Trung Quốc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

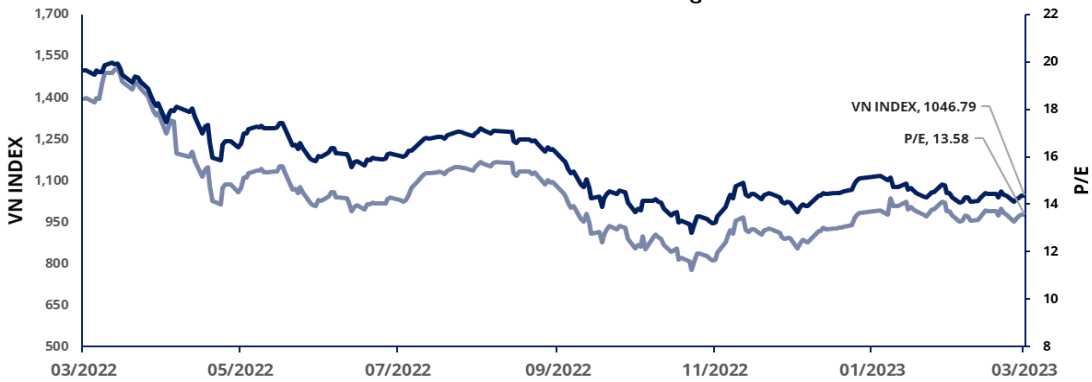
Dầu thô WTI vẫn duy trì mức giá dưới ngưỡng 70 USD/thùng trong tuần qua. Bộ trưởng Năng lượng Mỹ Jennifer Granholm cho biết rằng việc bổ sung đầy kho Dự trữ dầu chiến lược sẽ có thể tốn nhiều năm đã khiến các nhà đầu tư lo ngại rằng chính phủ Mỹ chỉ mua vào khi giá dầu có thể giảm sâu hơn. Bên cạnh đó, nguồn cung từ Nga cũng như sự bất ổn trong hệ thống ngân hàng đã khiến giá dầu gặp khó khăn. Những rủi ro trên đã khiến các nhà đầu tư tìm đến những tài sản an toàn như vàng. Giá vàng đã có tuần thứ tư tăng giá liên tiếp và tiệm cận 2,000 USD/ounce.

Chứng khoán Việt nam có tuần giao dịch đầy cảm xúc khi giảm hơn 20 điểm vào phiên giao dịch đầu tuần nhưng đã tăng liên tiếp 4 phiên còn lại. Kết tuần VN-Index tăng nhẹ 0.2% lên mức 1,047 điểm, HNX–Index cũng tăng 0.6% lên mức 206. Khối ngoại tiếp tục có tuần mua ròng tạo thêm chất xúc tác cho thị trường. Đa số nhóm ngành giao dịch giằng co, điểm sáng ở ngành Bất động sản trong khi nhóm Bán lẻ đóng vai trò tiêu cực ở chiều kéo giảm chỉ số. Đáng chú ý, lãi suất liên ngân hàng trong tuần qua giảm sâu về mức tương đương giai đoạn 1H2022. Trong tuần tới, những thông tin nổi bật sẽ được công bố là số liệu PCE lõi, chỉ số giá nhà của Mỹ sẽ được công bố cùng với đó là số liệu kinh tế tháng 2 của Nhật Bản, chỉ số PMI tháng 3 của Trung Quốc, số liệu kinh tế quý 1 của Việt Nam.

Góc nhìn và khuyến nghị: Thị trường phục hồi gần xóa đà giảm sâu của phiên đầu tuần. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết vẫn ở trạng thái trung tính với khối lượng giao dịch trung bình tuần vẫn ở mức thấp so với trung bình. Chỉ số vẫn đang neo giữ ngưỡng hỗ trợ quanh vùng 1,040 điểm ứng với MA20 tuần. Dao động có lẽ sẽ tiếp tục đi ngang với kháng cự là ngưỡng 1,080 điểm trong khi hỗ trợ tương ứng là ngưỡng tâm lý 1,000 điểm. Bối cảnh hiện tại phù hợp với chiến lược thận trọng và quan sát bởi vì thị trường vẫn còn nhiều ẩn số.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,047	0.2	0.7	2.6	3.9		13.6	1.7	177
Upcom Index	76	-0.3	-0.7	7.3	6.3		12.3	1.6	41
HNX Index	206	0.6	-0.8	0.2	0.2		19.7	1.1	10
VN30 Index	1,051	0.4	2.0	1.7	4.6		11.0	1.6	130
S&P 500 Index	3,971	1.4	-0.3	2.8	3.6		19.0	3.9	34,603
STOXX Europe 600 Index	440	0.7	-4.0	2.8	3.4		13.5	1.9	13,134
Hang Seng	19,916	2.0	-0.5	1.6	0.7		11.4	1.1	2,891
Nikkei 225	27,385	0.2	-0.2	4.4	4.9		22.5	1.7	3,693
SHCOMP Index	3,266	0.5	0.0	7.2	5.7		14.4	1.4	6,927
STI Index	3,213	0.9	-2.1	-1.4	-1.2		12.9	1.1	372
KOSPI Index	2,415	0.8	-0.4	4.4	8.0		12.2	0.9	1,431

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Nhựt Nguyễn
☎ (84-28) 6287-7751
✉ nhut.nq@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	1M	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	0.2	1.0	4.3	-10.4	10.5	-1.3	69.0	1.4	11.4	1.7	3,601,469
Mid Cap	-0.2	-0.9	2.5	-15.7	-12.9	-21.1	29.2	-1.2	13.7	1.0	496,094
Small Cap	-0.6	-1.8	2.3	-17.9	-21.2	-32.1	1.8	-0.1	20.6	0.6	74,371

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD			Định giá				
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Truyền thông	6.3	12.2	32.2	23.4	-5.4	7.2	0.0	0.0	14.0	0.8	1,165
Bất động sản	3.5	6.0	0.1	0.9	6.9	-5.2	17.9	2.3	14.0	1.3	752,882
Tài chính	1.9	7.5	14.2	-5.1	25.1	16.0	15.5	1.2	17.2	1.0	107,211
Dầu khí	1.4	-3.6	14.2	-6.0	14.5	13.0	1.9	0.1	7.2	2.1	57,331
Ô tô & Phụ tùng	1.3	-1.2	0.2	-16.0	-19.8	-31.9	0.4	0.0	9.5	1.0	13,414
Xây dựng và vật liệu	0.2	-0.5	9.3	-6.3	-6.5	-19.2	6.5	0.4	14.3	0.9	96,388
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.2	-2.4	-6.9	-21.6	-18.8	-36.8	0.7	-0.1	10.3	1.7	47,985
Ngân hàng	-0.1	0.8	9.0	-8.7	11.9	-0.3	26.7	1.0	8.2	1.5	1,556,366
Tài nguyên cơ bản	-0.2	-1.1	13.7	-33.7	-24.0	-22.9	10.5	-3.4	24.2	1.1	159,231
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.3	-0.4	1.5	-28.4	-22.1	-45.0	2.5	-0.6	10.0	1.1	106,520
Dược và Y tế	-0.3	-3.3	1.2	7.8	-9.0	3.8	0.2	0.0	12.5	1.8	30,852
Công nghệ Thông tin	-0.6	-2.3	1.9	-21.7	-25.0	-37.0	0.7	-0.1	16.4	2.6	98,248
Hóa chất	-0.9	0.3	-2.6	-22.0	-5.8	-22.9	3.3	-0.4	5.9	1.1	127,479
Tiện ích	-1.4	-2.1	3.3	-36.8	-27.9	-22.5	1.9	-0.8	11.9	2.0	315,623
Thực phẩm và đồ uống	-1.6	-2.5	-2.7	-13.8	1.1	-13.0	8.0	-0.2	6.9	2.7	481,636
Du lịch và Giải trí	-2.0	5.0	-4.7	-21.4	7.3	1.2	0.8	-0.1	n.a	9.4	97,057
Bảo hiểm	-2.5	-1.2	3.7	-8.5	-4.9	-35.0	0.3	0.0	18.9	1.6	47,178
Bán lẻ	-3.8	-10.2	-9.9	19.2	12.0	-13.0	2.2	0.6	7.9	2.2	75,048

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,609**	**33.6**	**61.4**	**429.7**	**298.6**
Nước ngoài	**2,462**	**34.8**	**74.4**	**407.3**	**277.3**
VanEck Vectors Vietnam ETF	506	0.0	5.2	102.0	94.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	780	31.1	44.0	84.8	45.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	686	7.4	13.6	134.8	128.6
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	320	-3.9	4.6	55.0	52.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	138	0.0	6.2	29.1	-45.2
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.3	0.3	0.3	0.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.6	1.3	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,147**	**-1.2**	**-13.0**	**22.3**	**21.3**
DCVFMVN Diamond ETF	599	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	350	0.0	-8.9	19.6	19.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	159	-1.2	-4.0	3.9	2.5
MAFN VN30 ETF	26	0.0	-0.3	-0.3	-0.3
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.1	-0.9	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	22,975	26,831	-160,700
Ấn độ	-357	1,396	-2,903	-2,903
Indonesia	-6	61	234	234
Nhật Bản*	-8,196	-12,579	-11,174	-11,174
Maylaysia	-25	-306	-428	-428
Philippines	-126	-48	-68	-68
Hàn Quốc	-6	-871	5,288	5,288
Sri Lanka	0	2	10	11
Đài Loan	1,492	-1,435	6,913	6,913
Thái Lan	-139	-845	-1,573	-1,573
Việt Nam	16	131	223	223

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

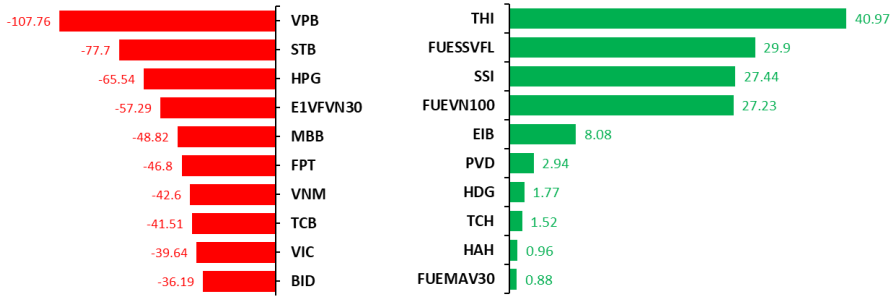
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

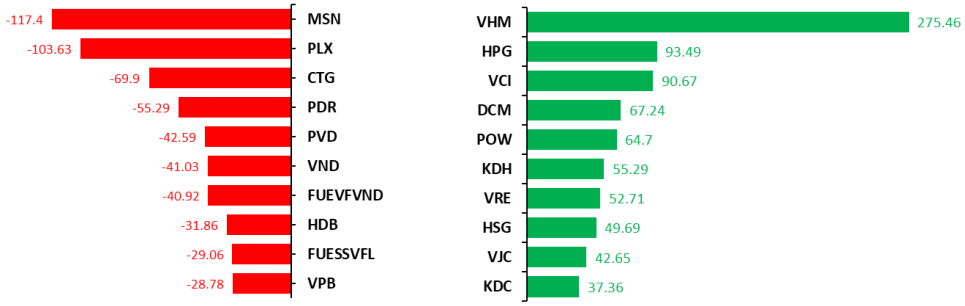
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-149	356	-32	-324
Tài nguyên Cơ bản	-67	158	-10	-147
Truyền thông	0	2	-2	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23	39	-55	16
Y tế	0	4	-10	6
Hóa chất	-13	89	-61	-29
Dịch vụ tài chính	9	-30	-114	144
Du lịch và Giải trí	-19	37	-6	-32
Ngân hàng	-429	-118	1,002	-884
Xây dựng và Vật liệu	-18	5	241	-246
Thực phẩm và đồ uống	-81	-45	161	-117
Bán lẻ	-52	-34	180	-146
Điện, nước & xăng dầu khí đố	-13	45	76	-121
Hàng cá nhân & Gia dụng	-17	7	19	-26
Công nghệ Thông tin	-47	-1	31	-30
Ô tô và phụ tùng	2	3	-3	1
Bảo hiểm	-2	13	-13	0
Dầu khí	2	-146	105	41
Tổng	-870	385	1,510	-1,895

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TPB	Ngân hàng	18.30 - 41.80	22.0	-13.04%
2	VPD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16.50 - 29.90	25.2	-10.00%
3	PPC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	10.50 - 22.80	13.8	-8.94%
4	MSN	Thực phẩm và đồ uống	69.10 - 130.00	78.0	-6.59%
5	FRT	Sản xuất nông nghiệp	55.70 - 116.67	65.0	-5.66%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
13.23%	35.1	21.95 - 48.74	Truyền thông	ADG
13.03%	49.0	39.40 - 77.50	Bất động sản	VHM
12.73%	6.2	3.95 - 11.80	Xây dựng và Vật liệu	HVH
12.43%	19.0	7.18 - 27.45	Ô tô và phụ tùng	TMT
12.29%	6.2	49.00 - 71.70	Thực phẩm và đồ uống	KDC

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	KKC	Tài nguyên Cơ bản	4.50 - 26.00	4.5	-13.46%
2	STP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.70 - 10.00	6.2	-11.43%
3	BKC	Tài nguyên Cơ bản	5.10 - 13.60	6.5	-10.96%
4	BTW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	21.70 - 37.50	27.0	-10.00%
5	PVL	Bất động sản	1.50 - 15.00	1.8	-10.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
38.00%	6.9	4.20 - 49.00	Y tế	LDP
31.97%	16.1	9.00 - 44.50	Xây dựng và Vật liệu	KDM
25.00%	13.0	9.50 - 50.60	Bán lẻ	THS
22.73%	2.7	1.80 - 11.80	Tài nguyên Cơ bản	SPI
20.48%	10.0	6.70 - 13.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BPC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SPP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.20 - 1.80	0.2	-33.33%
2	SD2	Xây dựng và Vật liệu	3.10 - 8.10	4.8	-31.43%
3	CFV	Thực phẩm và đồ uống	4.30 - 91.30	23.6	-29.34%
4	DNA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.10 - 27.00	16.3	-28.82%
5	LAW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.60 - 24.00	14.3	-26.67%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
66.67%	21.5	10.40 - 44.80	Xây dựng và Vật liệu	RCC
49.11%	67.1	20.00 - 77.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VFC
37.84%	10.2	5.10 - 18.00	Xây dựng và Vật liệu	CID
37.07%	31.8	18.00 - 61.50	Tài nguyên Cơ bản	KTL
36.27%	13.9	7.10 - 42.00	Bất động sản	VHD

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	5,187.5	334.7	38.4	33.95 - 48.80	-5.2
2	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5,186.0	174.1	13.8	10.50 - 22.80	-8.9
3	CTS	Chứng khoán Vietinbank	Dịch vụ tài chính	24,757.2	153.0	14.9	7.02 - 30.17	7.6
4	ACG	Gỗ An Cường	Tài nguyên Cơ bản	878.1	106.4	40.6	32.90 - 67.90	0.9
5	FRT	Bán lẻ FPT	Bán lẻ	61,119.1	104.4	65.0	55.70 - 116.67	-5.7
6	CTD	Xây dựng Coteccons	Xây dựng và Vật liệu	16,455.5	102.5	39.4	23.45 - 103.70	5.9
7	CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Xây dựng và Vật liệu	57,152.8	93.4	14.5	10.00 - 34.20	2.8
8	BSI	Chứng khoán BIDV	Dịch vụ tài chính	5,225.5	85.9	18.2	11.25 - 40.85	1.7
9	VPB	VPBank	Ngân hàng	454,721.8	83.9	21.2	13.65 - 27.37	7.4
10	FTS	Chứng khoán FPT	Dịch vụ tài chính	43,262.0	79.0	21.7	12.35 - 49.75	5.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

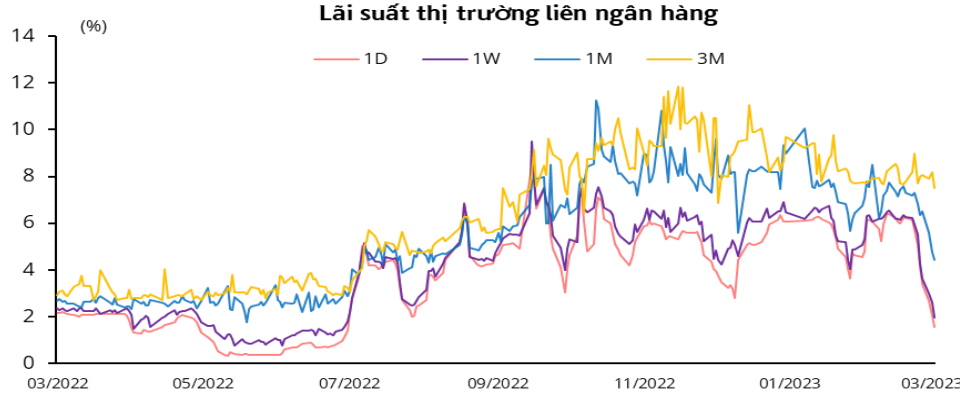
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	103.71	-0.83	-0.15	-0.95	0.18	
VND/USD	23,587	-0.45	-0.58	-0.45	-0.19	
KRW/USD	1,302.80	-1.64	0.24	-0.01	2.95	
JPY/USD	131.85	-2.36	-1.71	-3.70	0.56	
EUR/USD	0.94	-0.26	0.22	-0.59	0.33	
SGD/USD	1.34	-0.57	0.44	-0.93	0.21	
CNY/USD	6.89	-0.44	0.26	-1.33	-0.17	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	66.74	-12.96	-12.58	-10.16	-16.85	
Xăng	250.15	-5.45	3.87	17.31	1.71	
Gas	2.34	-3.79	2.77	-64.58	-47.75	
Than	173.00	-6.61	-17.36	-57.07	-57.19	
Vàng	1,989.25	6.48	7.97	11.28	9.06	
Bạc	22.60	10.04	4.01	-1.68	-5.65	
Platinum	978.94	1.46	6.27	-0.55	-8.88	
Quặng sắt	130.00	0.43	4.05	17.89	16.82	
Thép cán	4,404.00	-2.00	1.97	5.51	6.20	
Lúa mì	710.50	6.56	-7.18	-5.71	-10.29	
Ngô	634.25	1.60	-6.42	-2.87	-6.52	
Gỗ	451.50	26.83	18.16	16.25	20.82	

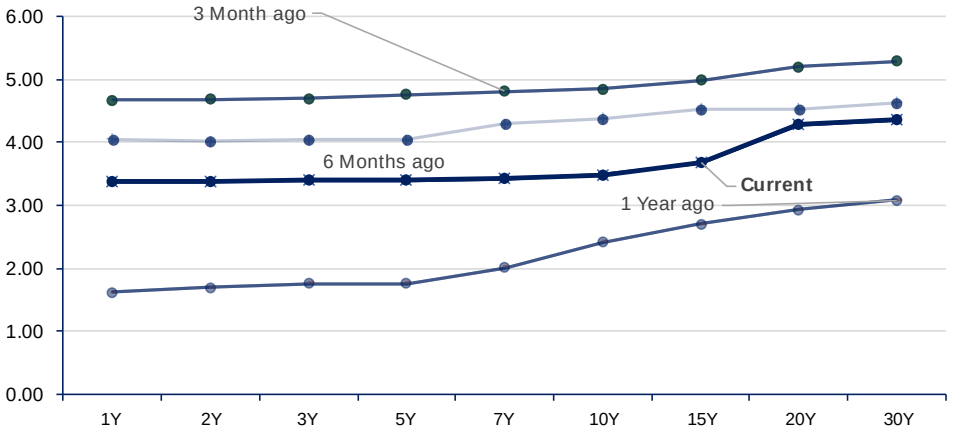
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.38	3.38	3.40	3.40	3.43	3.48	3.67	4.28	4.36
Thay đổi (BPS)*	-22.00	-22.90	-23.50	-25.30	-25.60	-42.50	-37.20	-38.70	-42.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.